

Số: 110 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2017

### TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

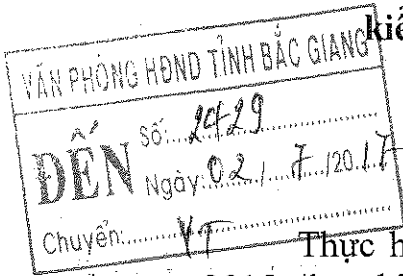
Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh ban hành nội dung, chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2017, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND) như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trong những năm qua, việc chi trả chế độ phụ cấp cho công chức, viên chức trực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp được các cơ quan tổ chức thực hiện theo quy định; đã động viên kịp thời đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông các cấp, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành trong quá trình thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2010 – 2015, mức chi cụ thể: công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng; đến nay, thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020 với nhiều nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm, nặng nề đòi hỏi phải tăng cường, nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp cho nên mức chi hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND không còn phù hợp. Công chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp đòi hỏi năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp; thời gian thường trực liên tục để hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ; yêu cầu tinh thần, trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ để đáp ứng sự hài lòng của tổ chức, cá nhân. Mức hỗ trợ như hiện nay là chưa phù hợp, chưa kịp thời động viên, khuyến khích đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyên tâm công tác.



Việc quy định trang phục cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã có quy định về màu sắc, kiểu cách; tuy nhiên chưa có quy định về định mức chi cho việc hỗ trợ trang phục, nên việc thực hiện ở các cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ, thống nhất.

Qua nghiên cứu một số địa phương khác trong cả nước; hiện nay đã có nhiều địa phương ban hành mức hỗ trợ cho công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp để thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020; cụ thể: Quảng Ninh (2.000.000đ/người/tháng, cấp tiền may trang phục 2,8 triệu đồng/người/năm), Bà Rịa – Vũng Tàu (400.000đ, trang bị đồng phục: 03 bộ đồng phục/người/năm), Thái Bình (400.000đ/người/tháng), Đà Nẵng (600.000đ/người/tháng), Vĩnh Phúc hệ số cao nhất 0,5 tương đương 605.000đ/người/tháng, Thái Nguyên (400.000đ/người/tháng), Bắc Ninh (400.000 đồng/người/tháng)...

Xuất phát từ những thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung nội dung, mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, tại mục 10, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung được xây dựng nhằm động viên, khuyến khích đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, nâng cao ý thức trách nhiệm để phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

### **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Nội dung Nghị quyết không trái với các văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với nguồn lực, thực tiễn của địa phương; đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL, cụ thể như: Đã tổ chức xin ý kiến của các cấp, các ngành, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của tỉnh; đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh nhất trí chủ trương tại Thông báo số 176-TB/TƯ ngày 19/4/2017 Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Công văn số 225/HĐND-TH ngày 03/5/2017 của HĐND tỉnh; Sở Tư pháp thẩm định và UBND tỉnh thông qua tại phiên họp tháng 5/2017.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 03 Điều với các nội dung cụ thể:

- Điều 1: Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 Đối tượng áp dụng;

- Điều 2: Sửa đổi, bổ sung nội dung, mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương tại mục 10, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013, như sau:

+ Sửa đổi mức chi hỗ trợ kinh phí:

Nâng mức chi từ 300.000đ/người/tháng lên 400.000đ/người/tháng (tăng 100.000đ/người/tháng) đối với: công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, cấp huyện.

Nâng mức chi từ 200.000đ/người/tháng lên 300.000đ/người/tháng (tăng 100.000đ/người/tháng) đối với: công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.

*Kinh phí thực hiện 01 năm:*

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, cấp huyện (kể cả người của các cơ quan Trung ương, của tỉnh được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương: Công an, Bảo hiểm xã hội, Thuế, Văn phòng đăng ký đất đai):

150 người x 400.000đ x 12 tháng = 720.000.000đ.

(trong đó: cấp tỉnh 50, cấp huyện 100)

Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã:

690 người x 300.000đ x 12 tháng = 2.484.000.000đ.

**Tổng kinh phí thực hiện: 3.204.000.000đ/năm.**

+ Bổ sung chế độ hỗ trợ kinh phí may trang phục: 02 bộ quần áo xuân hè, 01 bộ quần áo thu đông/người; định mức kinh phí: Quần áo xuân hè: 800.000 đồng/bộ/người; quần áo thu đông: 2.000.000 đồng/bộ/người (Lần đầu cấp cho công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp; tiếp theo, định kỳ sau 02 năm được cấp 01 lần).

*Kinh phí thực hiện:*

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, cấp huyện (kể cả người của các cơ quan Trung ương, của tỉnh được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương: Công an, Bảo hiểm xã hội, Thuế, Văn phòng đăng ký đất đai): 137 người (Trừ Công an, Thanh tra có trang phục riêng của ngành).

Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã: 690 người.

Tổng cộng: 827 người

**Tổng kinh phí thực hiện: 2.977.200.000đ/lần cấp.**

Việc lập dự toán, chi trả kinh phí hỗ trợ, cấp phát trang phục cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương do các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định.

- Điều 3: Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện, trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện và thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Các tài liệu khác có liên quan)

Nơi nhận: *vs*

- Như trên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp;
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2017/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2017

### NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 3

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;*

*Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 Đối tượng áp dụng theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND):

"c) Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (bộ phận một cửa), bao gồm:

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh;

Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Công chức, viên chức thuộc các cơ quan Trung ương, của tỉnh được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương được cử ra làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã."

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung nội dung, mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương tại mục 10, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND như sau:

STT	Nội dung chi	Mức chi
10	Chi hỗ trợ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (Các trường hợp đã được hỗ trợ trang phục theo quy định của ngành, thì không được hưởng chế độ hỗ trợ trang phục theo Nghị quyết này).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức hỗ trợ kinh phí 400.000 đồng/người/tháng đối với công chức, viên chức bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện.</li> <li>- Mức hỗ trợ kinh phí 300.000 đồng/người/tháng đối với công chức bộ phận một cửa cấp xã.</li> <li>- Mức hỗ trợ kinh phí may trang phục 02 bộ quần áo xuân hè, 01 bộ quần áo thu đông, gồm: Quần áo xuân hè: 800.000 đồng/bộ/người; quần áo thu đông: 2.000.000 đồng/bộ/người. (Lần đầu cấp cho công chức, viên chức được cử đến làm việc tại bộ phận “một cửa” các cấp; tiếp theo, định kỳ sau 02 năm được cấp phát 01 lần.</li> </ul>

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Nội vụ (2b);
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Bản điện tử:**

- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các tổ chức Chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT Thông tin, VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin “Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Giang”.

**Bùi Văn Hải**

Số: 43/BC- HĐND

Bắc Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2017

### **BÁO CÁO**

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**  
*(Trình kỳ họp thứ 3, HĐND tỉnh khóa XVIII)*

Thực hiện Thông báo số 10/TB-HĐND ngày 30/5/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh “Phân công thẩm tra các nội dung trình kỳ họp thứ 3, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021”, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đã tiến hành thẩm tra Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, tờ trình, dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

#### **1. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.**

Ngày 11/7/2013, tại kỳ họp thứ 7, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2011 - 2016 đã thông qua Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND “Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”. Tại mục 10, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết quy định “Chi hỗ trợ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương”, theo đó cán bộ, công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng (đối với cấp tỉnh, cấp huyện); 200.000 đồng/người/tháng (đối với cấp xã).

Nội dung hỗ trợ nêu trên đã góp phần khuyến khích, động viên cán bộ, công chức ở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp vào công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, sau hơn 03 năm thực hiện, mức hỗ trợ nêu trên đã thể hiện sự bất cập, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi triển khai Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 với nhiều nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm, đòi hỏi phải tăng cường, nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Từ thực tế trên, Ban pháp chế HĐND tỉnh thống nhất với sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung chế độ hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh.

## **2. Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Qua thẩm tra cho thấy, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể:

- Đề nghị xây dựng nghị quyết được Thường trực HĐND tỉnh nhất trí tại Công văn số 225/HĐND-TH ngày 03/5/2017;

- Cơ quan chủ trì soạn thảo (Sở Nội vụ) tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết đã tiến hành lấy ý kiến của các cơ quan, địa phương; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định;

- Dự thảo Nghị quyết đã trình UBND tỉnh xem xét, thông qua trước khi gửi Ban pháp chế thẩm định; Hồ sơ trình thẩm định đầy đủ và được gửi đúng thời gian theo quy định;

- Thể thức dự thảo Nghị quyết được trình bày đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.

## **3. Nội dung dự thảo nghị quyết**

3.1. Ban pháp chế nhất trí bổ sung điểm c, khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND để làm rõ hơn đối tượng áp dụng của Nghị quyết, nhất là đối với các trường hợp được hưởng chế độ hỗ trợ hằng tháng, hỗ trợ may trang phục.

### **3.2. Về chế độ hỗ trợ:**

- Ban pháp chế nhất trí nâng mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp (tăng thêm 100.000đ/người/tháng), theo đó mức hỗ trợ mới là 400.000 đồng/người/tháng đối với công chức, viên chức bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện và 300.000 đồng/người/tháng đối với công chức bộ phận một cửa cấp xã.

Mức hỗ trợ trên nằm trong hạn mức hỗ trợ quy định tại Thông tư số 172/2012/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước (quy định mức chi hỗ trợ tối đa không quá 400.000đ/người/tháng) và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

- Đối với nội dung hỗ trợ may trang phục: Ban pháp chế nhất trí bổ sung nội dung hỗ trợ kinh phí may trang phục cho công chức, viên chức bộ phận “một



cửa” vì nội dung này phù hợp với yêu cầu nêu tại điểm e, khoản 2, Điều 10 Quy chế thực hiện chế độ một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm “Mặc đồng phục trong quá trình thực thi nhiệm vụ”); nhất trí mức hỗ trợ và thời điểm, định kỳ hỗ trợ, cụ thể:

+ Mức hỗ trợ: Mỗi công chức, viên chức 02 bộ quần áo xuân hè (800.000đồng/bộ/người) và 01 bộ quần áo thu đông (2.000.000 đồng/bộ/người);

+ Thời điểm, định kỳ hỗ trợ: Hỗ trợ lần đầu: Khi công chức, viên chức được cử đến làm việc tại bộ phận “một cửa” các cấp; Hỗ trợ lần tiếp theo: Định kỳ 02 năm được hỗ trợ 01 lần.

*Tuy nhiên, để tránh sự trùng lặp trong thực hiện chế độ hỗ trợ trang phục; đồng thời để các nội dung hỗ trợ phát huy tốt hiệu quả, Ban pháp chế đề nghị:*

- Bổ sung vào Nghị quyết nội dung quy định: Các trường hợp đã được hưởng chế độ hỗ trợ trang phục theo quy định của ngành, thì không được hưởng chế độ hỗ trợ trang phục theo Nghị quyết này.

- Sau khi Nghị quyết được thông qua, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước chi bảo đảm cho công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Ban pháp chế trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên.

**TM. BAN PHÁP CHẾ  
TRƯỞNG BAN**



**Vũ Mạnh Hùng**



Số: 140/BC-STP

Bắc Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2017

### BÁO CÁO

**Kết quả hoàn thiện dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 563/SNV-CCHC ngày 31/5/2017 của Sở Nội vụ đề nghị hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, căn cứ quy định pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh một số nội dung hoàn thiện dự thảo văn bản trên như sau:

#### 1. Về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo văn bản

Nội dung dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

#### 2. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật soạn thảo dự thảo văn bản

Về cơ bản, ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật soạn thảo dự thảo Quyết định đã đảm bảo phù hợp theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung dấu “.” để kết thúc nội dung Điều 1; bỏ dấu “+” trước đoạn “Quần áo xuân hè...” để đảm bảo hợp lý vì chỉ có một nội dung.

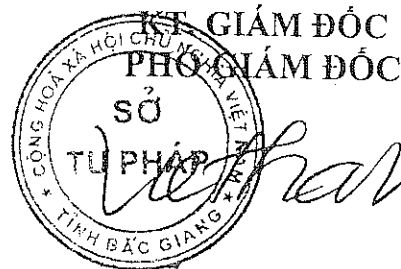
Trên đây là báo cáo hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh và đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu chỉnh sửa trình UBND ký ban hành./.

Nơi nhận:

Lưu: VT, XD&KTrVB<sub>II</sub> (03 bản);

Bản điện tử:

- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh (để biết);
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở.



Đỗ Thị Việt Hà



Số: 107/BC-STP

Bắc Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2017

## BÁO CÁO

**Thẩm định dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 489/SNV-CCHC ngày 08/5/2017 của Sở Nội vụ về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

### 1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng được nêu trong nội dung dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo đầy đủ, bao quát nội dung dự thảo văn bản.

### 2. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

#### 2.1. Về thẩm quyền ban hành

Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, theo đó, “văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó”.

#### 2.2. Về nội dung văn bản

Về cơ bản, nội dung dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp. Tuy nhiên, tại Điều 1, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung của Điều theo ý kiến đã nêu tại mục 1 Công văn số 339/STP-XD&KTrVB ngày 03/5/2017 của Sở Tư pháp về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND để đảm bảo tính chính xác, phù hợp, thống nhất theo quy định pháp luật.

### 3. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ



Người ký: Sở Tư pháp

Email:

so\_tuphap\_vt@bacgiang.gov.vn

Cơ quan: Tỉnh Bắc Giang

Thời gian ký: 18.05.2017

10:20:33 +07:00

quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; tuy nhiên, tại phần căn cứ ban hành, đề nghị Sở Nội vụ thay thế ký hiệu “/” bằng cách trình bày rõ ngày tháng năm ban hành văn bản để đảm bảo phù hợp với Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

#### 4. Về điều kiện trình UBND tỉnh

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Tuy nhiên, đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu chỉnh sửa các nội dung đã nêu tại mục 2.2 và mục 3 Báo cáo này để đảm bảo chất lượng dự thảo văn bản QPPL trình UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo và gửi Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh văn bản giải trình những ý kiến thẩm định không được tiếp thu (nếu có)./.

*Nơi nhận:*

Lưu: VT, XD&KTrVB<sub>T.B</sub>(3).

*Bản điện tử:*

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Người ký: Đỗ Thị Việt Hà  
Email: hadtv\_stp@bacgiang.gov.vn  
Cơ quan: Sở Tư pháp, Tỉnh  
Bắc Giang  
Chức vụ: Phó Giám đốc  
Thời gian ký: 18.05.2017  
10:21:49 +07:00

**BẢN TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH**  
**Các ý kiến tham gia dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND**  
 ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tổng số ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị: 19.
- Tổng số ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo: 10.
- Tổng số ý kiến trên Công thông tin điện tử của tỉnh: 0.
- Một số ý kiến góp ý chỉnh sửa, bổ sung được tiếp thu và giải trình như sau:

STT	Đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến giải trình và quan điểm trong sửa đổi, tiếp thu
1	<p><b>Sở Tư pháp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về tên gọi: đề nghị sửa theo hướng “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND...”.</li> <li>- Điều 1: chỉnh sửa lại tiêu đề “Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1...”; chỉnh sửa lại nội dung cho phù hợp với Quyết định số 09/2015/QĐ-TTG và Quyết định số 711/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh.</li> <li>- Điều 2: + Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Phụ lục 01: Đề nghị chỉnh sửa nội dung điểm a, điểm b mục 10 trong Phụ lục theo hướng thống nhất với nội dung của Điều 1 sau khi đã chỉnh sửa như đã nêu trên.</li> <li>+ Đề nghị bỏ cục “khoản 1”, “khoản 2” thuộc Điều thành một Điều riêng để đảm bảo tính chính xác, phù hợp của quy định.</li> <li>- Đề nghị chỉnh sửa một số nội dung về thể thức, kỹ thuật trình bày.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu, sửa đổi dự thảo Nghị quyết.</li> <li>- Tiếp thu, sửa đổi dự thảo Nghị quyết.</li> <li>- Tiếp thu, sửa đổi dự thảo Nghị quyết.</li> </ul>
2	<p><b>Sở Khoa học và Công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về chế độ hỗ trợ kinh phí: Đề nghị mức hỗ trợ 500.000đ/người/tháng đối với cán bộ, công chức một cửa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.</li> </ul>

	<p>cấp tỉnh, cấp huyện và ngành dọc; 400.000đ/người/tháng đối với công chức một cửa cấp xã.</p> <p>- Về chế độ hỗ trợ kinh phí may trang phục: Đề nghị mức hỗ trợ 01 lần/năm.</p>	- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.
3	<b>Sở Ngoại vụ</b>	- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.
4	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	- Tiếp thu, sửa đổi dự thảo Nghị quyết.
5	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.
6	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.
7	<b>Sở Xây dựng</b>	- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.



8 UBND huyện Yên Thế

- Về chế độ hỗ trợ kinh phí: Đề nghị mức hỗ trợ 600.000đ/người/tháng đối với cán bộ, công chức một cửa cấp tỉnh, 500.000đ/người/tháng đối với công chức một cửa cấp huyện.
- Về chế độ hỗ trợ kinh phí may trang phục: đề nghị nâng mức hỗ trợ quần áo xuân hè lên 1.000.000đ/bộ, áo thu đông lên 2.200.000đ/bộ.

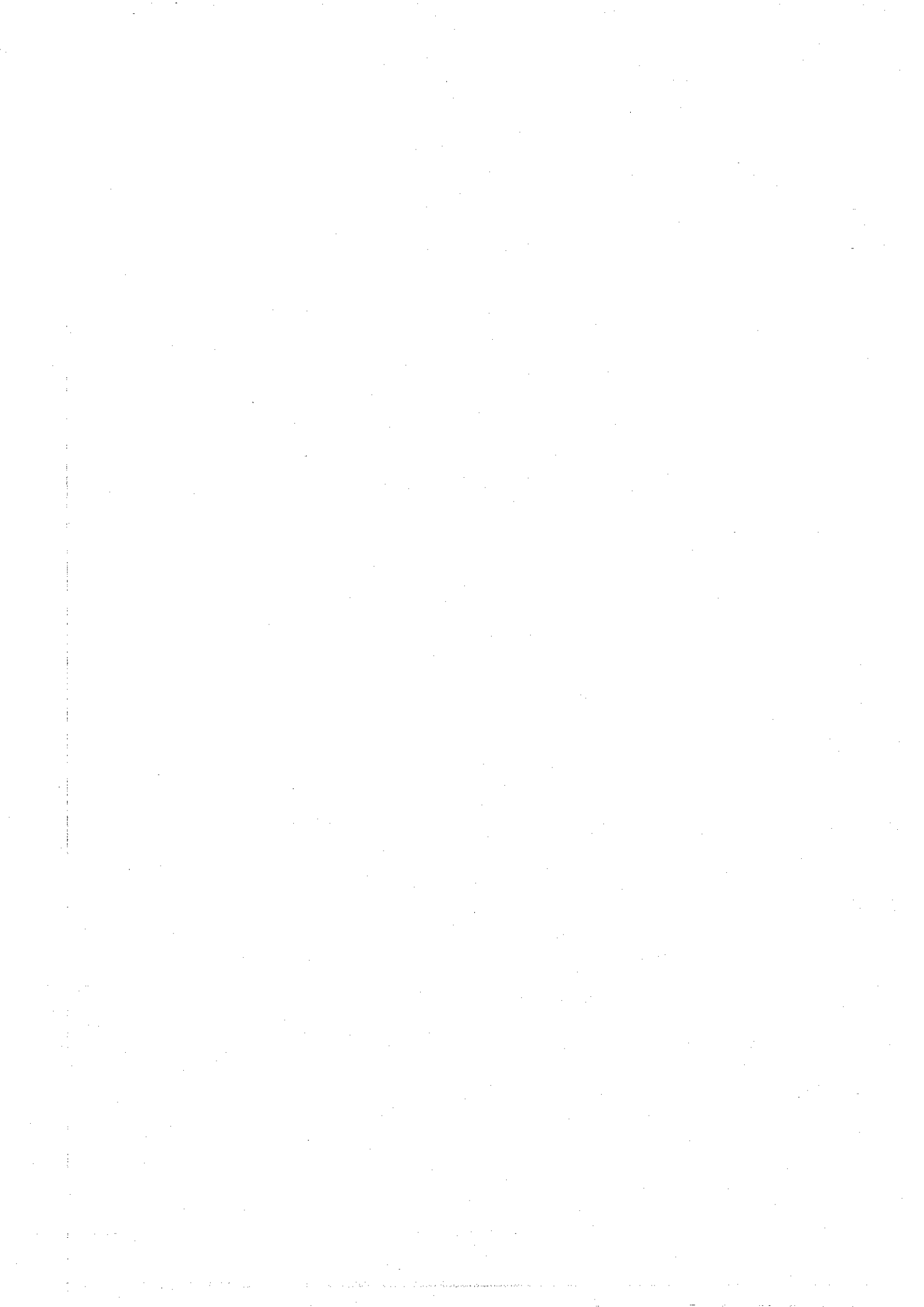
- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.

- Nội dung này xin ý kiến UBND tỉnh.

9 UBND huyện Hiệp Hòa

- Đề nghị chỉnh sửa một số nội dung về thể thức, kỹ thuật trình bày.
- Tiếp thu, sửa đổi dự thảo Nghị quyết.

**Các đơn vị hoàn toàn nhất trí:** Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế, Sở Tài chính; huyện: Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng, Thành phố Bắc Giang



**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 172/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2012

UBND T. BẮC GIANG  
Số: 14023  
Ngày: 05/11/12

**THÔNG TƯ**

**Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán  
kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước như sau:

**Điều 1. Những quy định chung:**

**1. Đối tượng áp dụng:**

- a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp;
- b) Cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ (Bộ Nội vụ);
- c) Các cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện các Đề án quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020.

**2. Phạm vi áp dụng:**

Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác cải cách hành chính của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ.

**3. Nguồn kinh phí:**

a) Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn huy động hợp pháp khác.

b) Kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ tài chính hiện hành và theo các quy định tại Thông tư này.

## **Điều 2. Nội dung chi**

1. Chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ trực thuộc Bộ Nội vụ; chi quản lý và điều hành thực hiện Chương trình.

2. Chi xây dựng đề cương chương trình; chi tổ chức các cuộc họp góp ý, thẩm định kế hoạch hàng năm, 5 năm, đề cương, chuyên đề cải cách hành chính.

3. Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác cải cách hành chính.

4. Chi nghiên cứu đề tài khoa học phục vụ công tác cải cách hành chính; nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các Bộ, ngành và địa phương; xây dựng các chuyên đề của các Đề án, Dự án về cải cách hành chính.

5. Chi tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác cải cách hành chính; chi tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức và cung cấp thông tin cho cán bộ, phóng viên, biên tập viên phụ trách các chuyên trang, chuyên mục cải cách hành chính tại các cơ quan báo, đài ở địa phương và trung ương.

6. Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tổng hợp số liệu và xử lý dữ liệu thống kê về cải cách hành chính; điều tra, khảo sát sự hài lòng của các cá nhân, tổ chức về cải cách hành chính.

7. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo khoa học, diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm về cải cách hành chính.

8. Chi thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính:

a) Chi xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông về cải cách hành chính; chi thiết kế băng rôn, pano, khẩu hiệu để tuyên truyền về cải cách hành chính;

b) Chi xây dựng, duy trì thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi xây dựng, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu cải cách hành chính, website cải cách hành chính;

c) Chi tổ chức các cuộc thi về cải cách hành chính.

9. Chi tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện cải cách hành chính, các đoàn đi công tác triển khai các công việc liên quan đến cải cách hành chính; chi cho đoàn công tác khảo sát, học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính ở trong nước và nước ngoài.

10. Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài về cải cách hành chính.

11. Chi mua các ấn phẩm, sách báo, tạp chí phục vụ công tác nghiên cứu về cải cách hành chính.

12. Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong hoạt động cải cách hành chính.

13. Các địa phương, trong phạm vi ngân sách của mình quan tâm, tạo điều kiện đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm cho Bộ phận một cửa (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả) của từng địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

14. Chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (một cửa, một cửa liên thông).

15. Một số khoản chi khác phục vụ công tác cải cách hành chính:

a) Chi làm thêm giờ;

b) Chi dịch tài liệu.

c) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

### **Điều 3. Mức chi**

Mức chi cụ thể theo phụ lục kèm theo Thông tư.

Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa. Căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách; Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này. Khi mức chi tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương chưa ban hành văn bản quy định

mức chi cụ thể, nhưng cần thiết để phục vụ công việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định vận dụng các mức chi tương ứng đối với công việc cụ thể nhưng không vượt quá quy định tại Thông tư này, bảo đảm tiết kiệm, tránh lãng phí, trong phạm vi dự toán được giao.

#### **Điều 4. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí**

Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành, Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

##### **1. Lập dự toán:**

Hàng năm, Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính có trách nhiệm hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch cải cách hành chính để các Bộ, ngành, địa phương làm căn cứ lập dự toán ngân sách hàng năm.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách thực hiện các dự án, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch 5 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Bộ, cơ quan chủ trì đề án, dự án về cải cách hành chính quy mô quốc gia theo quy định tại Phụ lục Nghị quyết số 30c/NQ-CP phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án, dự án. Nhiệm vụ thực hiện các đề án, dự án quy mô quốc gia được bố trí trong dự toán hàng năm của Bộ, cơ quan chủ trì đề án, dự án.

Đối với nhiệm vụ cải cách hành chính thường xuyên của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp (như: tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, cán bộ công chức; kiểm tra đánh giá việc thực hiện công tác cải cách hành chính; tuyên truyền về cải cách hành chính đối với các cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý...) được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Bộ Nội vụ có trách nhiệm thẩm tra mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

##### **2. Sử dụng và quyết toán kinh phí:**

Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các đơn vị

trực thuộc để thực hiện công tác cải cách hành chính sau khi có ý kiến thẩm tra của cơ quan tài chính cùng cấp.

Đối với kinh phí thực hiện các đề án, dự án quy mô quốc gia theo quy định tại Phụ lục Nghị quyết số 30c/NQ-CP được bố trí trong dự toán của cơ quan chủ trì đề án, dự án; cơ quan liên quan, phối hợp thực hiện đề án, dự án thì ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với cơ quan chủ trì đề án, dự án và nhận kinh phí từ cơ quan chủ trì đề án, dự án. Cơ quan chủ trì đề án, dự án có trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện đề án, dự án với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính chỉ cho nội dung nào thì hạch toán vào mục chi tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Quyết toán kinh phí cải cách hành chính được tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định.

#### Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2012 và thay thế Thông tư số 99/2006/TT-BTC ngày 20/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết ./.

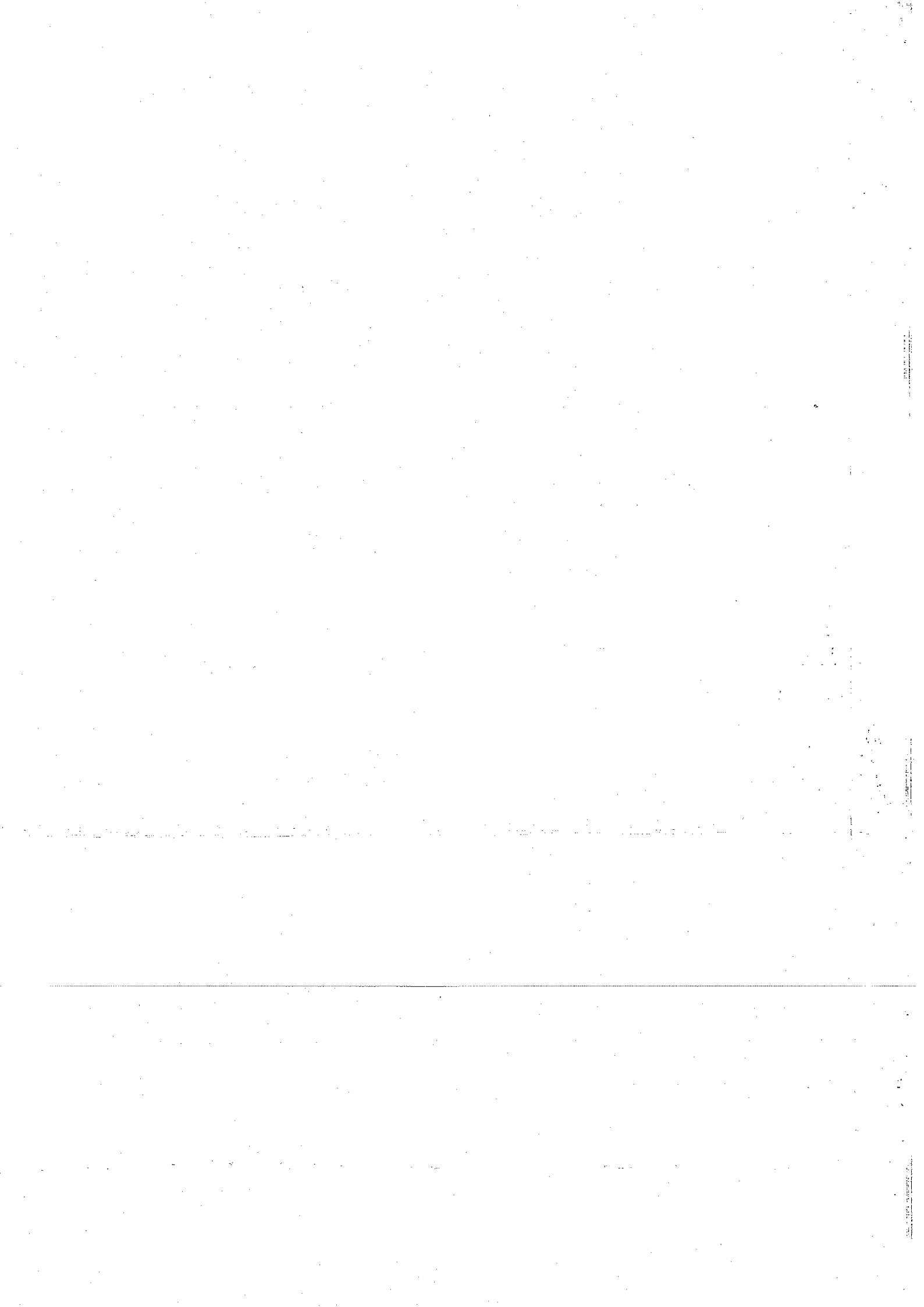
Nơi nhận: *HL*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



*Ng*  
Nguyễn Thị Minh





**PHỤ LỤC**  
**MỨC CHI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
*(Kèm theo Thông tư số: 172/2012/TT-BTC*  
*ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính)*

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi xây dựng đề cương chương trình, các cuộc họp góp ý, tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề:	
a	Xây dựng đề cương chương trình	
	- Xây dựng đề cương chi tiết Chương trình	Áp dụng mức chi tại Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương của Chương trình	Áp dụng mức chi tại Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP
b	Chi các cuộc họp góp ý, tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề:	
	- Chủ trì cuộc họp	150.000 đồng/người/buổi
	- Đại biểu được mời tham dự	100.000 đồng/người/buổi
	- Bài tham luận	300.000 đồng/bài viết
	- Bài nhận xét góp ý chỉnh sửa	200.000 đồng/bài viết
2	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác cải cách hành chính:	
a	Văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, ngành Trung ương	Áp dụng mức chi tại Thông tư Liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ.
b	Văn bản quy phạm pháp luật của các địa phương	Áp dụng mức chi tại Thông tư Liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp
3	Chi nghiên cứu các đề tài khoa học phục vụ công tác cải cách hành chính, nghiên cứu xây dựng Đề chi	Áp dụng mức chi tại Thông tư Liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Bộ Tài chính, Bộ

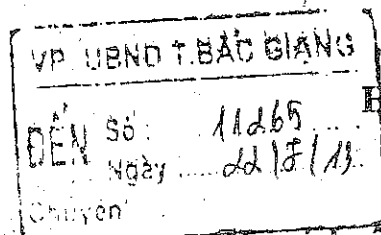
c	Chi xây dựng, duy trì thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi xây dựng, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu cải cách hành chính, website cải cách hành chính; chi thiết kế băng rôn, pano, khẩu hiệu để tuyên truyền về cải cách hành chính.	Đối với chi tạo lập thông tin điện tử áp dụng theo mức chi tại thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.  Đối với các khoản chi khác căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.
8	Chi tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện cải cách hành chính, các đoàn đi công tác trong nước triển khai các công việc liên quan đến cải cách hành chính; chi cho đoàn công tác khảo sát, học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính ở nước ngoài	
a	Các đoàn đi trong nước	Áp dụng mức chi tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
b	Các đoàn đi nước ngoài	Áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí
9	Chi thuê chuyên gia tư vấn về cải cách hành chính	
a	Chuyên gia trong nước	Áp dụng mức chi theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính
b	Chuyên gia nước ngoài	
10	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (một cửa, một cửa liên thông)	Tối đa 400.000 đồng/người/tháng. Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.  Cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp làm việc ngày thứ bảy (trong trường hợp cần thiết) để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 127/2007/QĐ-TTg ngày 1/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ thì được hưởng lương làm thêm giờ theo quy định.

Số: 15/2013/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2013

### NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang



### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOẢ XVII, KỶ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 01/7/2013 về việc ban hành Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh,

### QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

a) Đối với các hoạt động cải cách hành chính nhà nước: Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh (Sở Nội vụ); các cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước được UBND tỉnh phê duyệt từng giai đoạn.

b) Đối với các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các cấp khi thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

a) Đối với các hoạt động cải cách hành chính nhà nước:

Được áp dụng đối với các hoạt động đảm bảo cho công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính được UBND tỉnh phê duyệt từng giai đoạn.

b) Đối với các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính:

Được áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc qui định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Không áp dụng đối với hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

3. Mức chi:

a) Chi phục vụ hoạt động cải cách hành chính theo Phụ lục số 01.

b) Chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo Phụ lục số 02.

Khi mức chi tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(Có phụ lục số 01, 02 đính kèm)

4. Quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Điều 5, Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

Điều 3. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua./

Nơi nhận: *A*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Y tế; BHXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - XH tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- + Lãnh đạo, chuyên viên VP;
- + Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

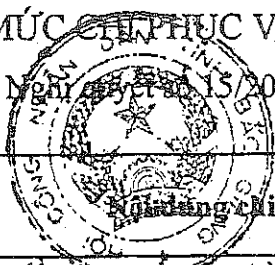


Thần Văn Khoa

PHỤ LỤC SỐ 01

MỨC CHI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh)



TT		Mức chi
1	Chi xây dựng đề cương chương trình, các cuộc họp góp ý, tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề:	
a	Xây dựng đề cương chương trình	
	- Xây dựng đề cương chi tiết Chương trình	Áp dụng mức chi quy định tại khoản 1, phụ lục mức chi của Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh Quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương của Chương trình	
b	Chi các cuộc họp góp ý, tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề:	
	- Chủ trì cuộc họp	150.000 đồng/người/buổi
	- Đại biểu được mời tham dự	100.000 đồng/người/buổi
	- Bài tham luận	300.000 đồng/bài viết
	- Bài nhận xét góp ý chỉnh sửa	200.000 đồng/bài viết
2	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác cải cách hành chính:	Áp dụng mức chi tại Thông tư Liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp
3	Chi nghiên cứu các đề tài khoa học phục vụ công tác cải cách hành chính; nghiên cứu, xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của tỉnh; chi xây dựng các chuyên đề của các Đề án, Dự án về cải cách hành chính; chi các hội thảo khoa học, diễn đàn khoa học về cải cách hành chính	
3.1. Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh:		
a	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	
	- Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh để công bố.	1.500.000đồng/Đề tài, dự án
	- Hội đồng xác định đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh	
	Chủ tịch Hội đồng	300.000đồng/buổi họp
	Thành viên	200.000đồng/buổi họp
	Thư ký hành chính	150.000đồng/buổi họp



b	Các đoàn đi nước ngoài	Áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí
9	Chi thuê chuyên gia tư vấn về cải cách hành chính	
a	Chuyên gia trong nước	Thuê theo tháng: 5.000.000 đồng/người/tháng. Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản 400.000 đồng/văn bản
b	Chuyên gia nước ngoài	Thuê theo tháng: 7.000.000 đồng/người/tháng. Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản 600.000 đồng/văn bản
10	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (một cửa, một cửa liên thông)	Mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ công chức bộ phận "một cửa" cấp tỉnh, huyện. Mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ công chức bộ phận "một cửa" cấp xã.
11	Chi mua các ấn phẩm, sách báo, tạp chí phục vụ công tác nghiên cứu về cải cách hành chính	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp
12	Chi dịch tài liệu	Áp dụng mức chi quy định tại mục g, khoản 1, Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính.
13	Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động cải cách hành chính	Theo quy định hiện hành về chế độ khen thưởng
14	Một số khoản chi khác phục vụ công tác cải cách hành chính	
a	Chi làm thêm giờ	Áp dụng mức chi tại Thông tư Liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức.
b	Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp
c	Một số khoản chi khác	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp